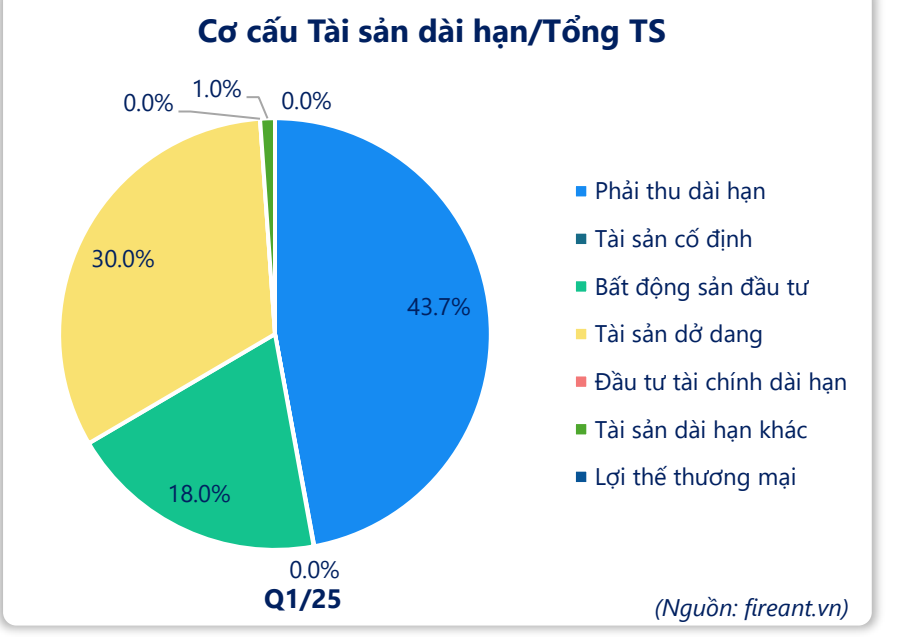
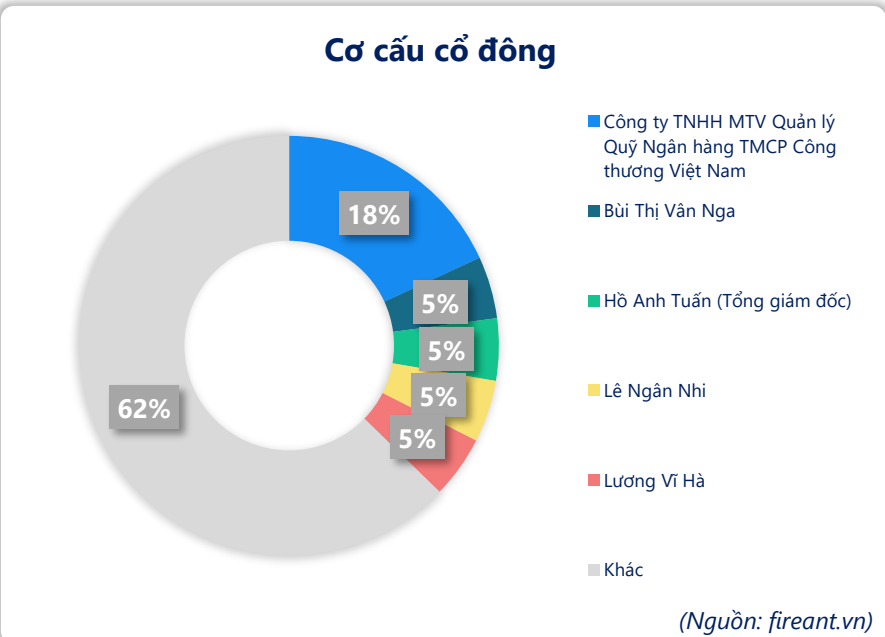
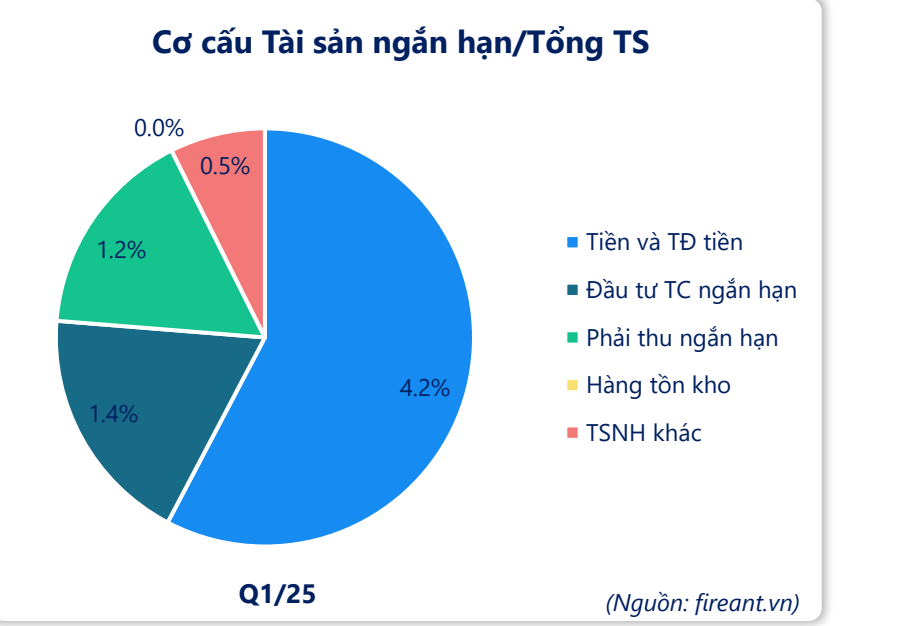
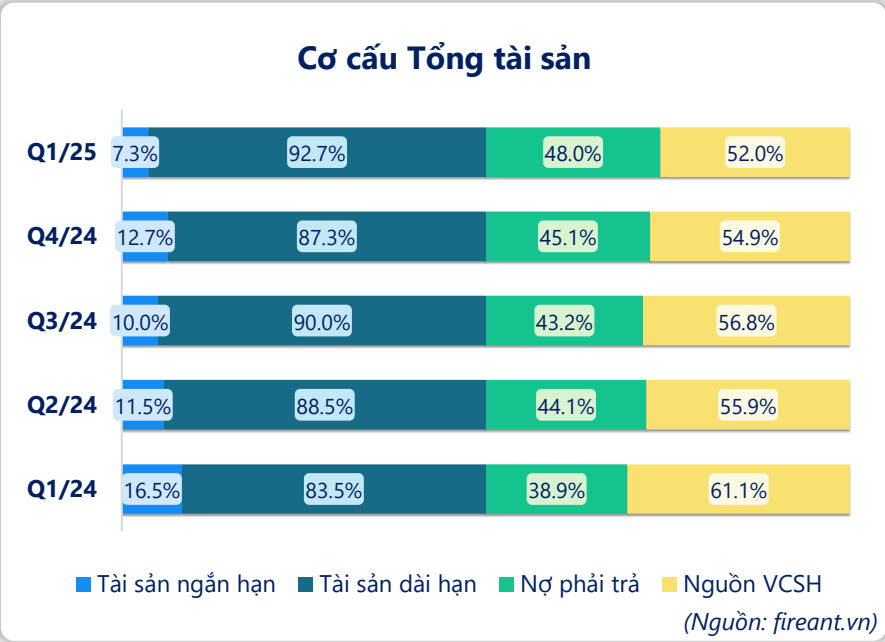
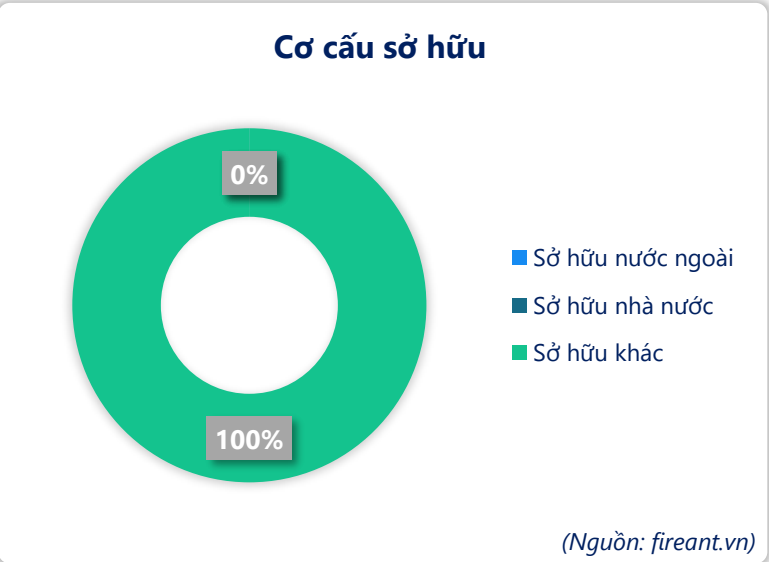
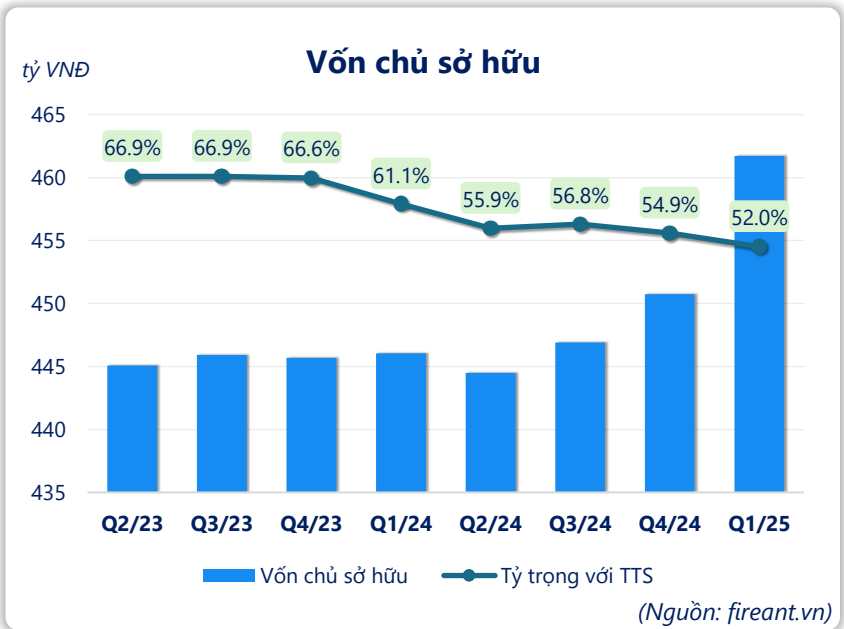
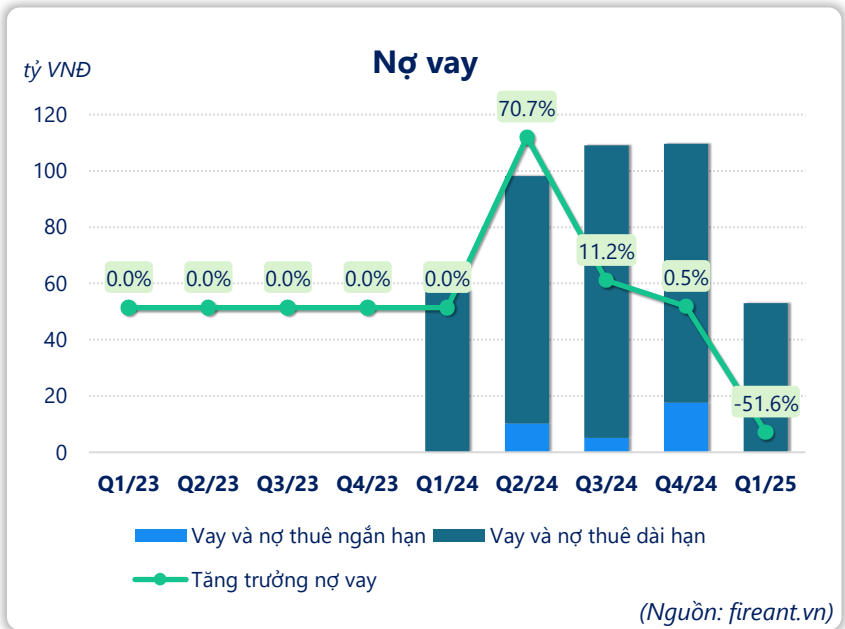
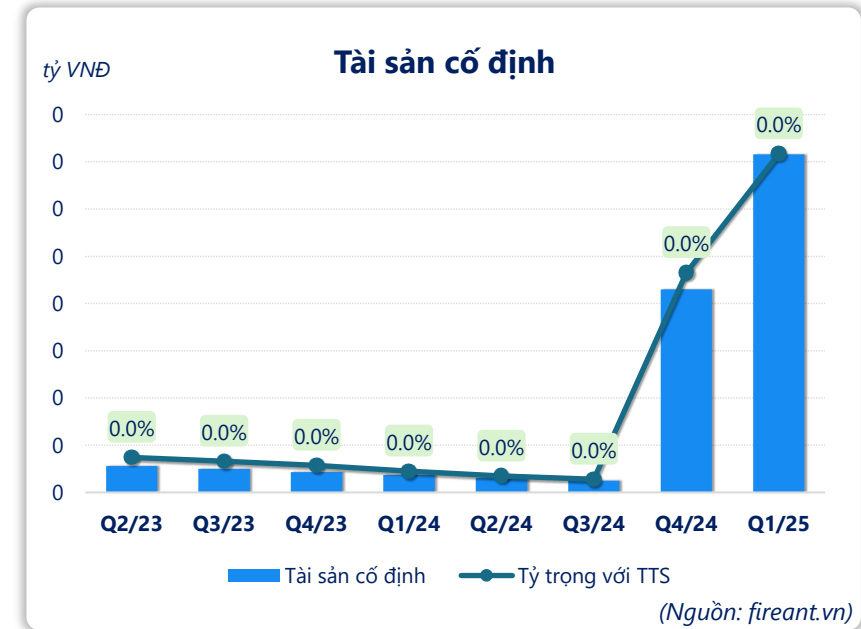
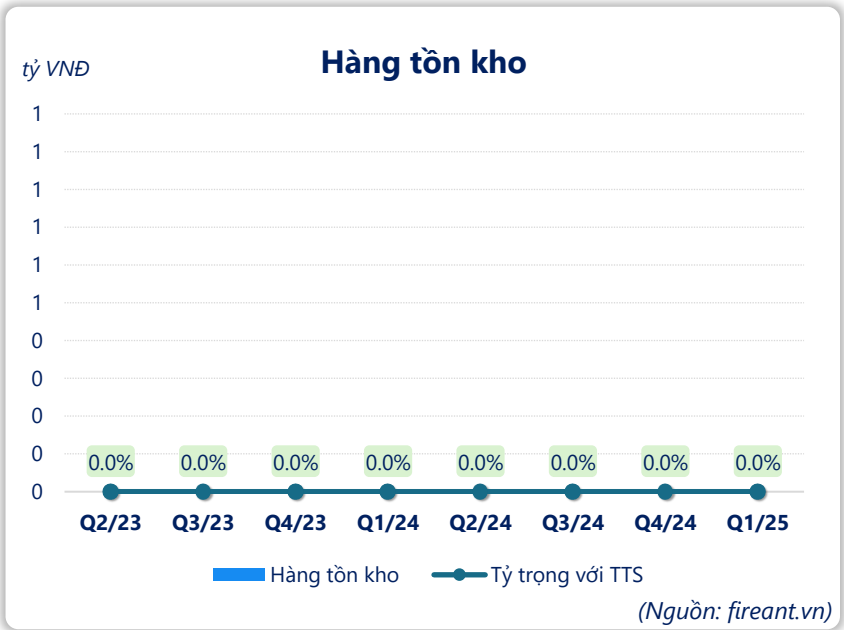
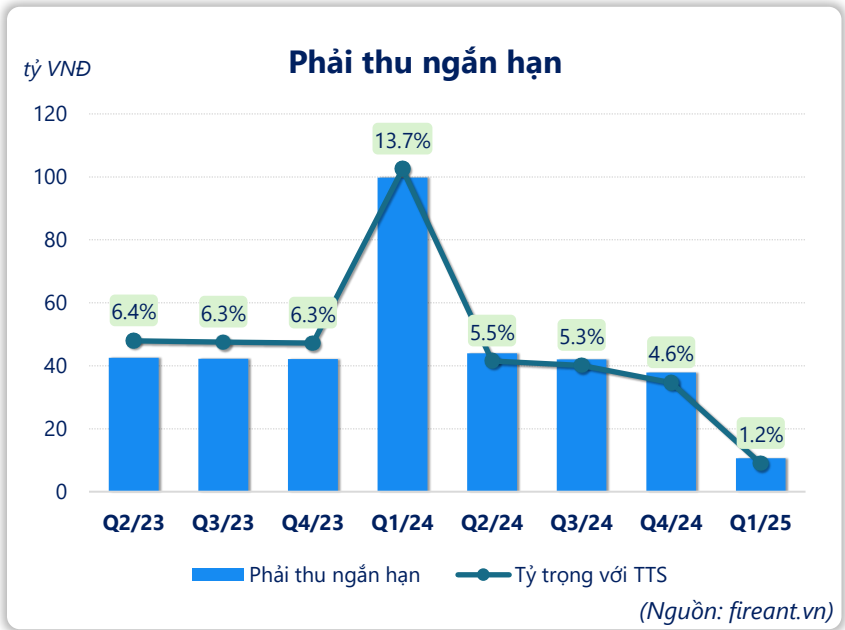
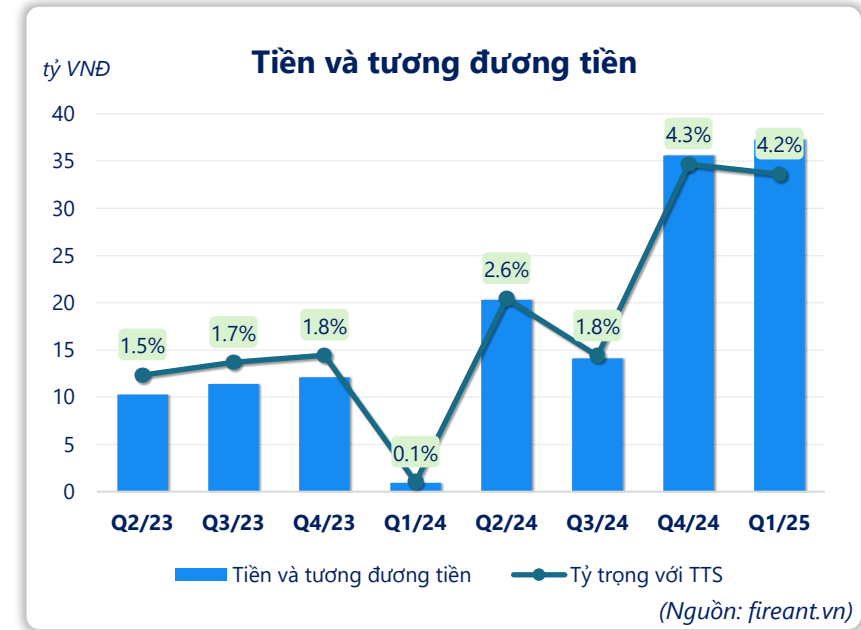
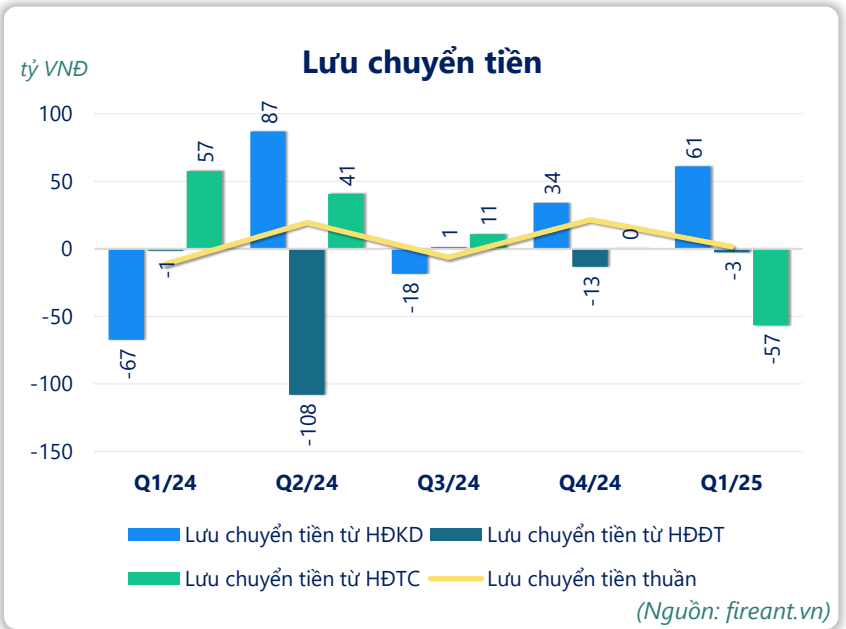
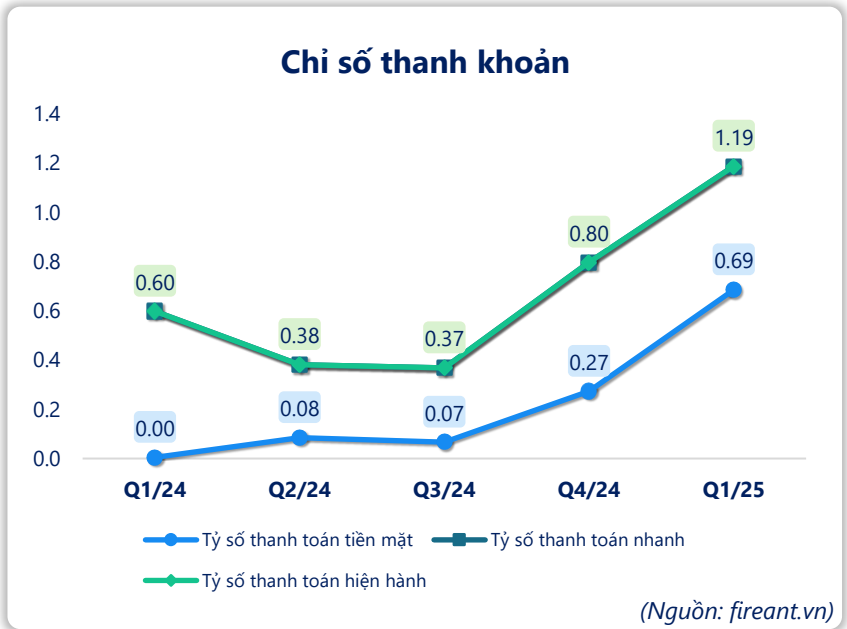
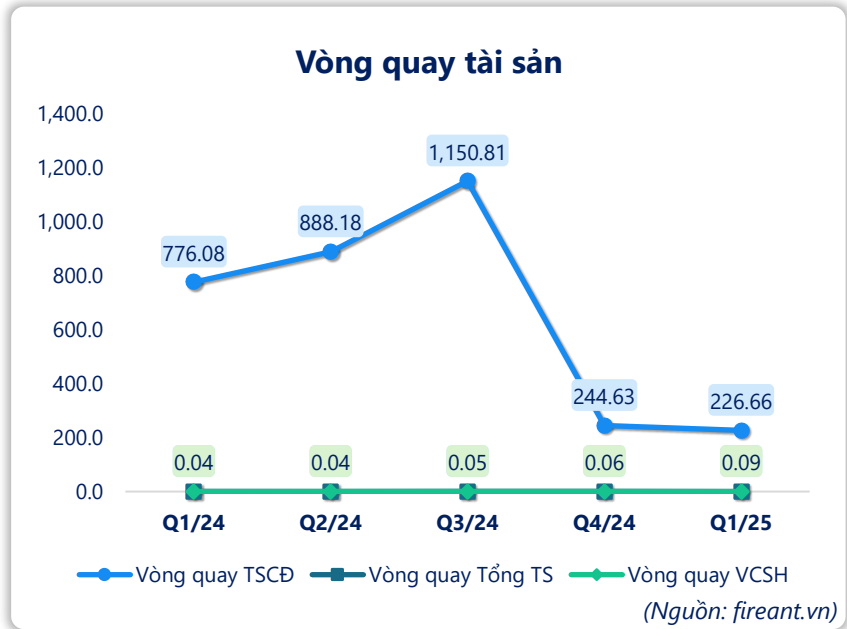
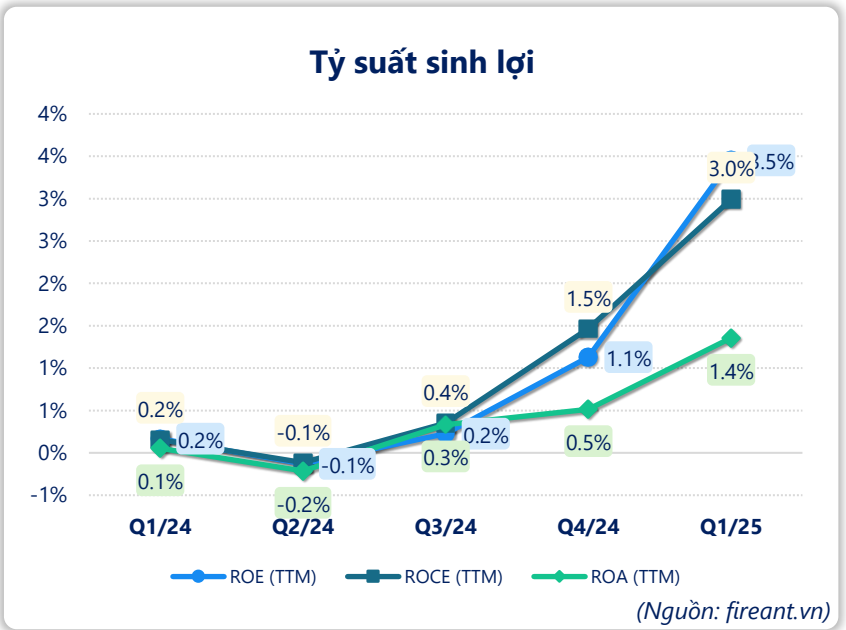
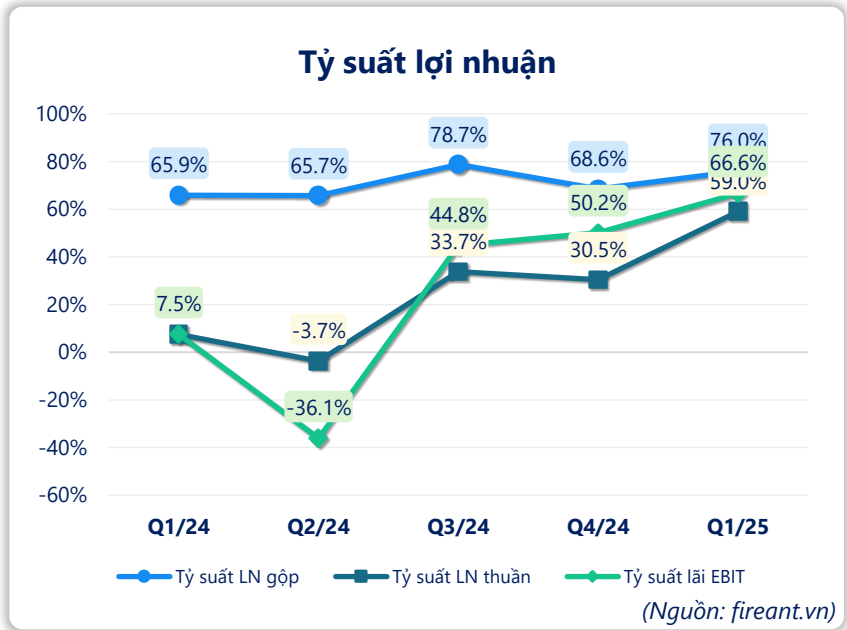
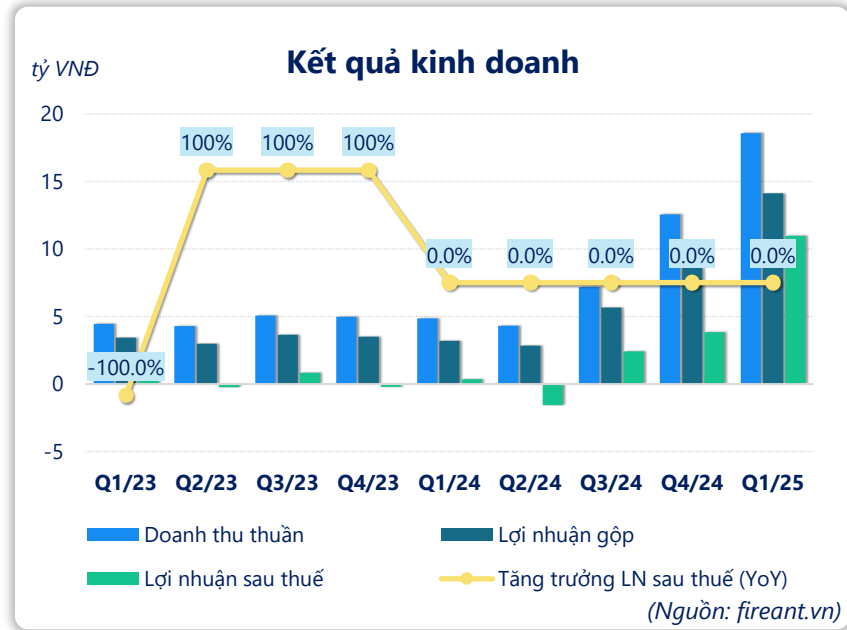


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		16,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,500
SL cổ phiếu LH		38,623,488
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		651
P/E		41.5
EPS		406

	YTD	1T	3T	6T
FDC	-0.3%	0.0%	0.3%	18.7%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	887	821	8.1%
Tài sản ngắn hạn	64.6	104	-37.9%
Tiền và tương đương tiền	37.3	35.6	4.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.0	20.0	-40.0%
Phải thu ngắn hạn	10.6	37.9	-72.1%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	4.76	10.6	-55.1%
Tài sản dài hạn	823	717	14.8%
Phải thu dài hạn	387	280	38.4%
Tài sản cố định	0.36	0.21	66.5%
Bất động sản đầu tư	160	161	-0.7%
Tài sản dở dang	266	266	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.09	9.66	-5.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	426	370	15.0%
Nợ ngắn hạn	54.4	59.5	-8.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	17.6	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.33	1.92	-82.7%
Nợ dài hạn	371	311	19.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	53.0	92.0	-42.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	462	451	2.4%
Vốn chủ sở hữu	462	451	2.4%
Vốn điều lệ	386	386	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	4.87	4.32	7.19	12.6	18.6
Giá vốn hàng bán	1.66	1.48	1.53	3.95	4.47
Lợi nhuận gộp	3.21	2.84	5.66	8.62	14.1
Doanh thu HĐTC	0.00	0.24	0.26	0.16	0.49
Chi phí TC	0	0	0.79	2.48	1.42
Chi phí lãi vay	0	0	0.79	2.48	1.42
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	2.85	3.24	2.70	2.47	2.22
LN thuần từ HĐKD	0.37	-0.16	2.43	3.83	11.0
Lợi nhuận khác	0	-1.40	0	0.00	0.00
LN trước thuế	0.37	-1.56	2.43	3.83	11.0
Lợi nhuận sau thuế	0.37	-1.56	2.43	3.83	11.0
LNST của CĐ cty mẹ	0.37	-1.56	2.43	3.83	11.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-67.3	86.9	-18.4	34.2	61.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.38	-108	1.23	-13.2	-2.74
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	57.5	40.6	11.0	0.50	-56.6
Tiền đầu kỳ	12.1	0.93	20.3	14.1	35.6
Lưu chuyển tiền thuần	-11.2	19.4	-6.18	21.5	1.71
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	0.93	20.3	14.1	35.6	37.3

(Nguồn: fireant.vn)